

Số: 279/KH-MNPN

Uông Bí, ngày 30 tháng 8 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC MẦM NON - TRƯỜNG MẦM NON PHƯƠNG NAM
Năm học 2024 - 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGD&ĐT ngày 31/1/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non; Căn cứ Thông tư số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ vào mục tiêu của Chương trình giáo dục nhà trẻ độ tuổi từ 3 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi, Chương trình giáo dục độ tuổi mẫu giáo từ 3 tuổi đến 6 tuổi về tất cả các lĩnh vực phát triển;

Căn cứ công văn số 2853/SGD&ĐT-GD&TXMN ngày 05/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non; Hướng dẫn số 1007/PGD&ĐT ngày 16/8/2024 của phòng GD&ĐT hướng dẫn khung Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025; Căn cứ hướng dẫn số 1089/PGD&ĐT ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Phòng giáo dục và đào tạo hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025; Căn cứ kế hoạch số 344/KH-MN ngày 7 tháng 10 năm 2024 của trường mầm non Phương Nam V/v thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025.

II. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

- Trường mầm non Phương Nam luôn nhận được sự quan tâm của các cấp các ngành, cơ sở vật chất nhà trường ngày càng khang trang. Trong năm học nhà trường luôn được Sở Giáo dục cũng như Phòng Giáo dục quan tâm đầu tư và bổ sung các thiết bị đồ dùng đồ chơi tại các nhóm lớp và sửa chữa một số hạng mục bị xuống cấp ở các điểm trường.

- Hiện nay cha mẹ học sinh đã có nhận thức tốt hơn đối với công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ vì vậy nhà trường luôn được sự ủng hộ nhiệt tình của CMHS trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn 100%, năng động, nhiệt tình trong công tác yêu nghề, mến trẻ, luôn có tinh thần đoàn kết cùng giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ năm học.

- Số lượng trẻ ở các lớp đảm bảo và được phân theo đúng độ tuổi.

- Trong những năm qua Ngành giáo dục thành phố Uông Bí đã có những bước phát triển mạnh mẽ nên đã có những tác động không nhỏ đến tầng lớp cha mẹ học sinh và Chính quyền địa phương; Các phong trào học tập, phong trào dạy học được ngành phát động, triển khai đã phần nào làm thay đổi nhận thức, hành động của Đội ngũ nhà giáo.

- Nhu cầu của cha mẹ học sinh gửi con tại trường và sự tín nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng ngày càng tăng.

1.2. Thách thức

- Dân cư sinh sống trên địa bàn phường chủ yếu làm nghề nông nghiệp, Lao động tự do mức thu nhập bình quân trên các hộ dân thấp. Nên công tác phối hợp để thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ còn gặp nhiều khó khăn.

- Cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường phần lớn trong độ tuổi sinh nở và có con nhỏ. Một số giáo viên tuổi cao kỹ năng sư phạm cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động cho trẻ còn hạn chế.

- Do tình hình bão số 3(YAGI) đã qua song còn để lại ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của phụ huynh nên việc cho con đến trường nhất là trẻ nhà trẻ ít, ảnh hưởng đến tỉ lệ huy động trẻ ra lớp

- Sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đang được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, đòi hỏi nhà trường phải xây dựng và phát triển theo hướng tiên tiến, hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập theo xu thế công nghệ hoá 4.0 của xã hội. Việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, tính sáng tạo, chủ động, ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến của giáo viên còn chưa thường xuyên và đồng bộ.

- Nhiều cơ sở tư thục ngoài công lập được thành lập, do đó cũng ảnh hưởng đến tỷ lệ huy động trẻ trên địa bàn điều này đòi hỏi nhà trường không ngừng cải tiến chất lượng nhằm thu hút trẻ.

2. Bối cảnh bên trong nhà trường

2.1. Điểm mạnh.

- Nhà trường có tầm nhìn chiến lược lâu dài, có định hướng và có các kế hoạch cụ thể, phù hợp với thực trạng của đơn vị qua từng giai đoạn để xây dựng và phát triển nhà trường làm việc khoa học, sáng tạo.

- Công tác tuyên truyền huy động trẻ ra lớp và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi được duy trì, nhiều năm liền đạt phổ cập GDMN

- Nhà trường đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Điều lệ trường mầm non. Triển khai và tổ chức thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non mới do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ từng bước được nâng cao chất lượng, hàng năm không có trường hợp ngộ độc thực phẩm và tai nạn

xảy ra trong nhà trường. Trường xây dựng được cảnh quan, môi trường sư phạm luôn xanh, sạch, đẹp, thân thiện và an toàn.

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định, đảm bảo về cơ cấu để thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non. Giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, có kiến thức, kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ tốt, yêu nghề mến trẻ, nhiệt tình yên tâm công tác.

Hàng năm 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tỷ lệ giáo viên được xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hàng năm luôn đạt ít nhất 97,5% trở lên. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, học liệu tương đối đầy đủ và được khai thác sử dụng hiệu quả.

Năm 2011 trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và đạt tiêu chuẩn chất lượng cấp độ 3

Trong những năm học vừa qua, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chi bộ, Ban giám hiệu, sự đoàn kết, nỗ lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên; sự quan tâm, chỉ đạo của phòng GDĐT, của cấp ủy chính quyền địa phương và sự vào cuộc của các bậc phụ huynh, tập thể nhà trường đã đạt được nhiều thành tích. Năm 2023-2024 được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh tặng giấy khen, tập thể lao động tiên tiến,

2.2. Điểm yếu

- Chất lượng giảng dạy của giáo viên chưa đồng đều: Một số giáo viên trẻ mới ra trường thiếu kinh nghiệm, chưa linh hoạt, sáng tạo trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ cũng như việc kết hợp với gia đình trẻ, một số giáo viên còn ngại đổi mới, việc áp dụng phương pháp dạy học theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm đạt hiệu quả chưa cao.

- Trình độ ngoại ngữ, tin học của cán bộ giáo viên cũng còn hạn chế nhất là những giáo viên lớn tuổi, đây là trở ngại lớn trong việc vận dụng những phương pháp dạy học tiên tiến.

- Trường có nhiều điểm lẻ vì vậy khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động chung. Việc đầu tư cơ sở vật chất còn dàn trải.

- Nhà trường còn thiếu các phòng chức năng, hai điểm trường Đá Bạc và Bạch Đằng còn thiếu phòng học.

III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG.

1. Mục tiêu chung

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa

những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

2. Mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực giáo dục

2.1. Nhà trẻ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 18 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

2.1.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi;
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ;
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi;
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể);
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay;
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2.1.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh;
- Có sự nhạy cảm của các giác quan;
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản;
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

2.1.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ;
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu;
- Hồn nhiên trong giao tiếp.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói;

2.1.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi;
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi;
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt;
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

2.2. Mẫu giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ từ 3 tuổi đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

2.2.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi;
- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh khỏe, khéo léo và bền bỉ;
- Thực hiện được vận động cơ bản vững vàng, đúng tư thế;
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian;
- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay;
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2.2.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh;
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định;
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau;
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu;
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

2.2.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày;
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...);
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày;
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện;
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với tuổi;
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

2.2.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân;
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh;
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực;
- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ;
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2.2.5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật;
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình;
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn, bảo vệ cái đẹp.

IV. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024 – 2025

1. Kế hoạch thực hiện

a) Phân phối thời gian

- Căn cứ theo Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024, của phòng GD&ĐT thành phố Uông Bí về việc đề nghị ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Chương trình thiết kế cho 35 tuần học/năm học cụ thể:

- Học kỳ I: + Ngày bắt đầu học kỳ từ 05/09/2024
+ Ngày kết thúc học kỳ: 10/01/2025
- Học kỳ II: + Ngày bắt đầu học kỳ từ 13/01/2025
+ Ngày kết thúc học kỳ: 23/05/2025

b) Chế độ sinh hoạt

* Chế độ sinh hoạt cho trẻ (24-26) tháng tuổi * Chế độ sinh hoạt cho trẻ MG

Thời gian	Hoạt động
7h00' – 7h45'	Đón trẻ, chơi
7h45' – 8h20'	Thể dục sáng, điểm danh
8h20' – 10h00'	Chơi – tập
10h00' – 10h15'	Vệ sinh trước khi ăn
10h15' – 11h15'	Ăn bữa chính 1
11h15' – 13h45'	Ngủ trưa
13h45' – 14h10'	Ăn bữa phụ
14h10' – 15h00'	Chơi – tập
15h00' - 15h45'	Ăn bữa chính 2
15h45' - 16h30'	Chơi/trả trẻ

Thời gian	Hoạt động
7h00' – 7h45'	Đón trẻ, chơi
7h45' – 8h30'	Thể dục sáng, điểm danh
8h30' – 9h10'	Học
9h10' – 9h50'	Chơi, hoạt động ở các góc
9h50' – 10h20'	Chơi ngoài trời
10h20' – 10h30'	Vệ sinh trước khi ăn
10h30' – 11h30'	Ăn bữa chính
11h30' – 14h00'	Ngủ trưa
14h00' – 14h30'	Ăn bữa phụ
14h30' – 15h45'	Chơi, hoạt động theo ý thích
15h45' – 16h30'	Về sinh trả trẻ

2. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi và Kết quả mong đợi

2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

2.1.1. Tổ chức ăn

a. Độ tuổi nhà trẻ 24-36 tháng

Chế độ ăn	Số bữa ăn tại trường	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/tẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)	Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng			Nước uống
				P	L	G	
Cơm thường	Hai bữa chính và một bữa phụ	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal	13 –20%	30 –40%	47 -50%	0,8-1,6l

b. Độ tuổi mẫu giáo

Chế độ ăn	Số bữa ăn tại trường	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/tẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)	Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng			Nước uống
				P	L	G	
Cơm thường	Một bữa chính và một bữa phụ	1230 – 1320 Kcal	615 - 726 Kcal	13 – 20%	25 – 35%	52 –60%	1,6 -2,0l

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

2.1.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

2.1.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

2.1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Thực hiện tốt bảng kiểm theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD “Thông tư quy định về Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non”.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng và phòng chống dịch bệnh.

2.2. Giáo dục

2.2.1. Độ tuổi 24-36 tháng (Có phụ lục kèm theo)

2.2.2. Độ tuổi 3-4 tuổi (Có phụ lục kèm theo)

2.2.3. Độ tuổi 4-5 tuổi (Có phụ lục kèm theo)

2.2.4. Độ tuổi 5-6 tuổi (Có phụ lục kèm theo)

3. Các hoạt động giáo dục, hình thức, phương pháp giáo dục và tổ chức môi trường giáo dục¹

3.1. Các hoạt động giáo dục

3.1.1. Các hoạt động giáo dục nhà trẻ

a. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hỉ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

b. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

c. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

d. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

e. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

3.1.2 Các hoạt động giáo dục mẫu giáo

1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

Tổ chức một số hoạt động dịch vụ giáo dục chất lượng cao: dạy tiếng Anh giao tiếp với người nước ngoài, kỹ năng sống,...

- 100% trẻ 5 có khả năng quan sát và ghi nhớ có chủ định, hoàn thành CTGDMN, đạt phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

- Tăng cường tiếp cận các chương trình, nội dung, phương pháp dạy học tiên tiến, hiện đại: ứng dụng phương pháp Montessori, Stem và các hoạt động giáo dục trẻ.

3.2. Hình thức tổ chức

3.2.1. hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ nhà trẻ

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

3.2.2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục mẫu giáo

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Ngày thành lập QĐNDVN, Lễ hội mừng xuân -gói bánh díp Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3.3. Phương pháp giáo dục

3.3.1. Phương pháp giáo dục trẻ nhà trẻ

a. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

b. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

c. Nhóm phương pháp thực hành

*) *Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi*

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

*) *Trò chơi*

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

**) Luyện tập*

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

d. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

e. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo

3.3.2. Phương pháp giáo dục mẫu giáo

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông

qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

3.4. Tổ chức môi trường giáo dục

3.4.1. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động cho trẻ nhà trẻ

3.4.1.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

3.4.1.2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ,

lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

3.4.2. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động cho trẻ mẫu giáo

3.4.2.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

3.4.2.2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

4. Đánh giá sự phát triển của trẻ

4.1. Đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ

4.1.1. Đánh giá trẻ hằng ngày

a. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.

- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.

- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

4.1.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

a. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

4.2. Đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

4.2.1. Đánh giá trẻ hằng ngày

a. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

4.2.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

a. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất căn cứ sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Bùi Thị Thủy

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 – 2025

(Theo Kế hoạch Chương trình Giáo dục mầm non số 279/KH-MNPN ngày 30/08/2024)

1. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi nhà trẻ 24-36 tháng

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	Hoạt động khác: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Tay giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	Hoạt động học: - Đi theo hiệu lệnh đi đều. - Đi theo hiệu lệnh nhanh, chậm. - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi trong đường hẹp. - Đi trong đường hẹp có bê vật trên tay. - Đi bước vào các ô. - Đi kết hợp với chạy - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng. - Đứng co một chân - Bước lên xuống bậc cao 10 cm

			- Bước lên xuống bậc cao 15cm - Bước lên xuống bậc có vịn.
3	MT3	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	Hoạt động học: - Tung bắt bóng cùng cô (tung bóng lên cao bằng hai tay). - Tung bóng qua dây. - Tung bóng bằng 2 tay - Tung - bắt bóng cùng cô. (khoảng cách 1,2m - 1,5m) - Ném vào đích xa 1m - Ném vào đích xa 1,2 m
4	MT4	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	Hoạt động học: - Bò trong đường hẹp - Bò theo đường gấp khúc - Bò thẳng hướng - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản.
5	MT5	2.5 Trẻ biết thể hiện sức mạnh trong các vận động bật.	Hoạt động học: - Nhún bật tại chỗ. - Nhún bật về phía trước - Bật qua các ô - Bật qua các vòng - Bật xa bằng hai chân khoảng 15cm
6	MT6	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	Hoạt động học: - Ném xa - Chơi với bóng
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay			
7	MT7	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	Hoạt động khác: - Hướng dẫn trẻ múa khéo đơn giản.
8	MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn;	Hoạt động khác: - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón, nhặt đồ vật.

		vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Khâu chuỗi đeo cổ. - Chắp ghép hình. - Chồng xếp 6 - 8 khối. - Tập làm quen với cầm bút, tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt			
9	MT9	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Hoạt động khác: Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Khuyến khích trẻ ăn hết xuất của mình. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống
10	MT10	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	Hoạt động khác: - Thường xuyên rèn luyện thói quen ngủ một giấc trưa cho trẻ. Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
11	MT11	1.3. Đi vệ sinh đúng nơi qui định.	Hoạt động khác: - Lịch sinh hoạt hàng ngày - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Đi theo nhu cầu của trẻ.
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe			
12	MT12	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	Hoạt động khác: - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, ướn
13	MT13	2.2. Chắp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	Hoạt động khác: + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần

			áo ấm khi trời lạnh.
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn			
14	MT14	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
15	MT15	3.3 Nhận biết các dấu hiệu về cháy và có cách phòng tránh cháy nổ đơn giản	Hoạt động khác: - Dấu hiệu cháy: có khói, lửa, tiếng nổ, nhiệt độ. - Phòng tránh cháy nổ đơn giản: Không chơi các vật gây nổ: Diêm, bật lửa, chơi gần bếp lửa...Không chơi với các nguồn lửa. Có phản xạ khi thấy cháy nổ: Tránh xa cháy nổ, kêu gọi người lớn
16	MT16	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh
4. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi			
17	MT17	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Cân nặng: + Trẻ trai: 11,3 - 18,3kg + Trẻ gái: 10,8 - 18,1kg. - Chiều cao: + Trẻ trai: 88,7 - 103,5cm + Trẻ gái: 87,4 - 102,7cm	Hoạt động khác: - Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Khám sức khỏe theo định kỳ 2 lần/năm học. - Đo 3 lần/năm - Cân 3 lần / năm học - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ tăng trưởng.
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan			
18	MT18	1. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Hoạt động khác: - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách

			sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Ném đồ vật ăn được để cảm nhận vị.
19	MT19	2.1 Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	Hoạt động học: - Chơi và bắt chước được một số hành động quen thuộc của những người gần gũi: - Chơi với đồ chơi quen thuộc: Sờ, nắn đồ vật, đồ chơi - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi			
20	MT20	2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	Hoạt động học: - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.(Bố, mẹ, anh, chị, em...). - Tình cảm của người thân với bé: Yêu thương, chăm sóc hàng ngày.
21	MT21	2.7 Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	Hoạt động học: - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi: máy bay, tàu hoả, ô tô...
22	MT22	2.8 Trẻ nhận biết đúng về hình dạng.	Hoạt động học: Nhận biết hình vuông, hình tròn. - Gọi tên hình, chọn hình theo yêu cầu
23	MT23	2.9 Trẻ nhận biết đúng về số lượng	Hoạt động học: Nhận biết số lượng 1 và nhiều (Từ 2 trở lên)
24	MT24	2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	Hoạt động học: Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
25	MT25	2.4 Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	Hoạt động học: - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

			- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
26	MT26	2.5 Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	Hoạt động học: - Màu đỏ, vàng, xanh.
27	MT27	2.6 Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	Hoạt động học: - Kích thước to - nhỏ. - Chỉ đồ chơi to- nhỏ Lấy, cất đồ vật to - nhỏ theo yêu cầu - Phân biệt to - nhỏ qua ngôn ngữ (nói) và hành động (giơ, chỉ, cất, lấy, chọn...)
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
28	MT28	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	Hoạt động học: - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Đưa ra các nhiệm vụ phù hợp để trẻ thực hiện. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
29	MT29	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	Hoạt động học: - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
30	MT30	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	Hoạt động học: - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Kể chuyện cho trẻ nghe - Đàm thoại về nội dung truyện. - Trẻ kể lại đoạn truyện đã được nghe nhiều lần có sự giúp đỡ của cô giáo. - Kể chuyện theo tranh. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật,

			hành động gần gũi trong tranh.
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu			
31	MT31	2.1. Phát âm rõ tiếng.	Hoạt động khác: - Phát âm các âm tiếng Việt. - Sửa phát âm của trẻ. - Nói to, đủ nghe, lễ phép. - Dạy trẻ giao tiếp có văn hóa.
32	MT32	2.3 Trẻ thích nghe và bắt chước các âm thanh.	Hoạt động học: - Nghe âm thanh của các đồ vật, con vật hoặc hiện tượng thiên nhiên. - Bắt chước các âm thanh.
33	MT33	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	Hoạt động học: - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp			
34	MT34	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Hoạt động học: - Dạy trẻ nói câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc
35	MT35	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	Hoạt động khác: - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng lời nói - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?,
36	MT36	3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.	Hoạt động khác: - Trò chuyện với trẻ. - Cô nhắc trẻ nói to, đủ nghe. - Cô thường xuyên giáo dục trẻ lễ phép
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân			
37	MT37	1.1. Nói được một vài	Hoạt động học:

		thông tin về mình (tên, tuổi).	- Cho trẻ giới thiệu về mình. - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
38	MT38	1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích.	Hoạt động khác: - Trò chuyện những điều thích và không thích. - Thể hiện điều mình thích và không thích qua lời nói, nét mặt, ánh mắt, điệu bộ... (vui, buồn).
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi			
39	MT39	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	Hoạt động khác: - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi
40	MT40	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	Hoạt động khác: - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - Soi gương và tự thể hiện các trạng thái cảm xúc. - Tô màu, dán các khuôn mặt có biểu cảm khác nhau. - Chơi các trò chơi giả bộ, phân vai.
41	MT41	2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	Hoạt động khác: - Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận qua nét mặt, cử chỉ; Cười, nói, ánh mắt vui vẻ... - Kể chuyện, đọc thơ, trò chuyện
42	MT42	2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	Hoạt động khác: - Bắt chước tiếng kêu các con vật. - Quan tâm đến các vật nuôi, gần gũi với con vật nuôi, yêu quý vật nuôi, bắt chước tiếng kêu, gọi con vật, thích ôm, bế con vật; chó, gà, mèo con...
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản			
43	MT43	3.1. Biết chào, tạm biệt,	Hoạt động khác:

		cảm ơn, ạ, vâng ạ.	Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”;
44	MT44	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	Hoạt động khác: - Dạy trẻ chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ - Chơi trò chơi giả bộ - Chơi thân thiện cạnh trẻ khác
45	MT45	3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	Hoạt động khác: - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. không cắn câu bạn
46	MT46	3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	Hoạt động khác: - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh			
47	MT47	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
48	MT48	4.3 Trẻ thích nghe một số bài hát quen thuộc, gần gũi và hưởng ứng cùng cô	Hoạt động học: Hát một số bài hát đơn giản, gần gũi: Hát theo cô, hát cùng bạn, hát một mình - Vận động đơn giản theo nhạc bài hát: Vỗ tay, lắc lư, nghiêng người, động tác minh họa...
49	MT49	4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	Hoạt động học: - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Tập phết hồ và dán các hình để tạo ra các sản phẩm có màu sắc. - Chơi với đất nặn, khuyến khích trẻ nặn thành sản phẩm. - Tập xếp hình: xếp chồng, xếp cạnh nhau... Hoạt động khác: Xem tranh. ảnh

**THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2024 - 2025**

Nhà trẻ 24-36 THÁNG : GỒM 10 CHỦ ĐỀ

Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 09/09/2024 – 23/5/2025

TT	Tên chủ đề	Số tuần/ chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Bé và các bạn	4	Tuần 1	09/9 - 13/9/2024	Trung Thu: Thứ 6 ngày 17/9 (15/8 âm lịch)
			Tuần 2	16/9 - 20/9/2024	
			Tuần 3	23/9 - 27/9/2024	
			Tuần 4	30/9 - 04/10/2024	
2	Mẹ và những người thân yêu	4	Tuần 5	07/10 - 11/10/2024	Ngày thành lập HLHPN Việt Nam: Chủ nhật ngày 20/10
			Tuần 6	14/10 - 18/10/2024	
			Tuần 7	21/10 - 25/10/2024	
			Tuần 8	28/10 - 01/11/2024	
3	Các cô các bác trong nhà trẻ	4	Tuần 9	04/11 - 08/11/2024	Ngày nhà giáo Việt Nam: Thứ 4 ngày 20/11
			Tuần 10	11/11 - 15/11/2024	
			Tuần 11	18/11 - 22/11/2024	
			Tuần 12	25/11 - 29/11/2024	
4	Đồ chơi của bé	3	Tuần 13	02/12 - 06/12/2024	- Ngày thành lập QĐNDVN: Chủ nhật ngày 22/12
			Tuần 14	09/12 - 13/12/2024	
			Tuần 15	16/12 - 20/12/2024	
5	Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện nào ?	3	Tuần 16	23/12 - 27/12/2024	- Kết thúc HK I: Ngày 10/01/2025
			Tuần 17	30/12 - 03/01/2025	
			Tuần 18	06/01 - 10/01/2025	
6	Tết và mùa xuân	3	Tuần 19	13/01 - 17/01/2025	- Ngày 13/01/2025: Bắt đầu HKII - Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử
			Tuần 20	20/01 - 24/01/2025	
			Tuần 21	10/02 - 14/02/2025	
	Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 27/01 - 08/02/2025				
7	Cây và những bông hoa đẹp	4	Tuần 22	17/02 - 21/02/2025	Ngày quốc tế phụ nữ
			Tuần 23	24/02 - 28/02/2025	

			Tuần 24	03/03 - 07/3/2025	8/3 (Thứ 7)
			Tuần 25	10/3 - 14/3/2025	
8	Những con vật đáng yêu	4	Tuần 26	17/3 - 21/3/2025	Giỗ Tổ Hùng Vương 07/4/2025
			Tuần 27	24/3 - 28/3/2025	
			Tuần 28	31/3 - 04/4/2025	
			Tuần 29	07/4 - 11/4/2025	
9	Thiên nhiên quanh bé	3	Tuần 30	14/4 - 18/4/2025	Nghỉ Lễ 30/4, 1/5 (Thứ 4, 5)
			Tuần 31	21/4 - 25/4/2025	
			Tuần 32	28/4 - 02/5/2025	
10	Bé lên mẫu giáo	3	Tuần 33	05/5 - 09/5/2025	- Kết thúc học kỳ II: 23/5/2025 (Thứ 6)
			Tuần 34	12/5 - 16/5/2025	
			Tuần 35	19/5 - 23/5/2025	

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT
CHỦ TỊCH**



Bùi Thị Thủy

Phương Nam, ngày 30 tháng 8 năm 2024
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Bùi Phi Nga

2. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi mẫu giáo 3-4 tuổi

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Hoạt động khác: * Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Cúi về phía trước. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiềng gót liên tục 3m.	Hoạt động học: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiềng gót liên tục 3m.
3	MT3	Trẻ thực hiện được thao tác bật- nhảy; giữ được thăng bằng khi bật	Hoạt động học: + Bật nhảy tại chỗ + Bật tiến về phía trước + Bật xa 20-25 cm + Bật qua vật cản

4	MT4	2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dẫn) không chệch ra ngoài.	Hoạt động học: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dẫn) không chệch ra ngoài.
5	MT5	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	Hoạt động học: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)
6	MT6	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	Hoạt động học: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
7	MT7	3.1. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đang ngón tay vào nhau.	Hoạt động học: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đang ngón tay vào nhau.
8	MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm.	Hoạt động học: - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. Hoạt động khác: - Đan, tết.

		- Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ. - Tự cài, cởi cúc.	- xếp Chồng các Hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - sử dụng kéo, bút. - cài, cởi cúc. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
9	MT9	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	Hoạt động học: - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)
10	MT10	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	Hoạt động học: - Tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... - Một số món ăn vật lạnh mạnh
11	MT11	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	Hoạt động học: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
12	MT12	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo...	Hoạt động khác: - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tháo tất, cởi quần, áo - Diễn đạt nhu cầu cá nhân - Ký hiệu cá nhân. - Ngủ đúng giờ, đủ giấc

13	MT13	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	Hoạt động khác: - Sử dụng bát, thìa cốc đúng cách.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
14	MT14	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	Hoạt động khác: - Hành vi văn minh trong ăn, uống, sinh hoạt hàng ngày (Uống nước đã đun sôi, rót vừa lượng nước để uống, tự uống nước khi khát). - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa.
15	MT15	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	Hoạt động khác: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
16	MT16	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	Hoạt động học: - Nhận biết và tránh một số vận dụng nguy hiểm như: Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...
17	MT17	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	Hoạt động học: - Nhận biết và phòng tránh một số khu vực nguy hiểm, những nơi không an toàn. - Khu vực an toàn trường học, nơi lánh nạn khi có thiên tai
18	MT18	4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn	Hoạt động khác: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống.

		các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
19	MT19	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	Hoạt động khác: - Tò mò, thích quan sát các sự vật, hiện tượng. - Thích đặt các câu hỏi vì sao? Thế nào ? Đây là con gì ? Cái gì ? - Chờ đợi các câu trả lời của người lớn. - Tích cực hoạt động với các đồ vật: Cầm , nắm, sờ mó... - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
20	MT20	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Hoạt động học: -Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
21	MT21	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	Hoạt động khác: - Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. - Chong chóng gió, thổi bóng xà phòng...

22	MT22	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	Hoạt động khác: - Làm một số thí nghiệm đơn giản. - Xem sách, tranh ảnh trò chuyện.
23	MT23	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	Hoạt động học: - Phân loại đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông, con vật, cây, rau, quả theo một dấu hiệu.
24	MT24	<i>Trẻ làm quen và nhận biết một số đặc điểm, cấu tạo, cách sử dụng đơn giản một số ứng dụng công nghệ thông tin.</i>	Hoạt động học: - Trẻ biết được một vài đặc điểm máy tính bàn, thao tác đơn giản với tivi thông minh có tại lớp. - Máy tính bàn gồm có: chuột máy tính, màn hình máy tính, thân máy tính, bàn phím máy tính. - Trẻ thực hiện thao tác đơn giản với ti vi thông minh, vẽ cây, hoa, quả...Xóa khi không thích.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
25	MT25	2. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	Hoạt động học: - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng - Cách chăm sóc, bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Hiện tượng nắng mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.
26	MT26	<i>Trẻ được tiếp cận qua phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.</i>	Hoạt động học: - Các hoạt động trải nghiệm, khám phá qua phương pháp giáo STEM, EDP, STEAM: : + Trẻ làm một số thí nghiệm đơn giản... + Hoạt động vui chơi: hoa nở trong nước,

			trứng chìm trứng nổi.....
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
27	MT27	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	Hoạt động học: - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
28	MT28	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	Hoạt động khác: - Chơi hoạt động góc, qua các trò chơi vận động. - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ...) - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
29	MT29	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	Hoạt động học: - Tận dụng mọi cơ hội cho trẻ đếm mọi lúc mọi nơi. - Gợi ý cho trẻ hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.
30	MT30	1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	Hoạt động học: - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
31	MT31	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	Hoạt động học: - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5.
32	MT32	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	Hoạt động học: - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
33	MT33	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	Hoạt động học: - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.

2. Sắp xếp theo qui tắc			
34	MT34	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Hoạt động học: - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ.
3. So sánh hai đối tượng			
35	MT35	3. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	Hoạt động học: - So sánh 2 đối tượng về kích thước.
4. Nhận biết hình dạng			
36	MT36	4. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	Hoạt động học: - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			
37	MT37	5. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	Hoạt động học: - Nhận biết phía trên - phía dưới; phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
c) Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
38	MT38	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
39	MT39	1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	Hoạt động học: - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.
40	MT40	1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Hoạt động học: - Địa chỉ gia đình.
41	MT41	1.4. Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các

			hoạt động của trẻ ở trường. Hoạt động khác: - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
42	MT42	2. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	Hoạt động học: - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến - Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: Dự báo thời tiết, vệ sinh môi trường...
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
43	MT43	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	Hoạt động học: - Ngày khai giảng, tết trung thu. - Ngày lễ hội của địa phương.
44	MT44	3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	Hoạt động học: - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
45	MT45	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	Hoạt động học: - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
46	MT46	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ	Hoạt động học: - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự

		chơi, hoa, quả...	vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
47	MT47	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	Hoạt động khác: - Trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
48	MT48	2.1. Nói rõ các tiếng.	Hoạt động học: - Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
49	MT49	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	Hoạt động khác: - Mô tả lại sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ.
50	MT50	2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	Hoạt động học: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
51	MT51	2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	Hoạt động học: - Kể lại sự việc. - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
52	MT52	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Hoạt động học: - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Giải được một số câu đố đơn giản về con vật, sự vật gần gũi quen thuộc.
53	MT53	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	Hoạt động học: - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ.
54	MT54	2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	Hoạt động học: - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
55	MT55	2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	Hoạt động khác: - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
56	MT56	2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	Hoạt động khác: - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp

3. Làm quen với đọc, viết			
57	MT57	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	Hoạt động khác: - Tiếp xúc với chữ, sách truyện.
58	MT58	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	Hoạt động khác: - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
59	MT59	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	Hoạt động khác: - Vẽ, “viết” nguệch ngoạc.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			
1. Thể hiện ý thức về bản thân			
60	MT60	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính.
61	MT61	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	Hoạt động học: - Những điều bé thích, không thích.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
62	MT62	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	Hoạt động khác: - Tham gia các trò chơi. - Kể về bản thân thông qua những câu hỏi gợi mở của cô
63	MT63	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...).	Hoạt động học: - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao: Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...).
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
64	MT64	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	Hoạt động học: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
65	MT65	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	Hoạt động học: - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động
66	MT66	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	Hoạt động học: - Hình ảnh của Bác. - Kính yêu Bác Hồ.

67	MT67	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	Hoạt động học: - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Nghe kể chuyện, nghe hát đọc thơ về Bác Hồ.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
68	MT68	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	Hoạt động khác: - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).
69	MT69	<i>Trẻ làm quen với các hình thức, dấu hiệu bị bạo hành và xâm hại và kỹ năng phòng tránh</i>	Hoạt động học: - Làm quen với các hình thức bạo hành phổ biến (Thể chất, tinh thần...) - Làm quen với các dấu hiệu bạo hành phổ biến (Cơ thể, sợ hãi, thái độ, tâm lý...) - Phản ứng khi bị đánh, mắng ... - Khuyến khích trẻ kể về hoạt động hằng ngày - Dạy trẻ không lên dữ bí mật khi bị đe dọa - Kỹ năng xử lý khi gặp tình huống nguy hiểm
70	MT70	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Nhận biết hành vi “đúng” – “sai”, “tốt”- “xấu”.
71	MT71	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Hoạt động học: - Lắng nghe cô và bạn nói.
72	MT72	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	Hoạt động khác: - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. - Giúp đỡ bạn cùng chơi
5. Quan tâm đến môi trường			
73	MT73	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	Hoạt động khác: - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
74	MT74	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy	Hoạt động khác:

		định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Tiết kiệm điện, nước.
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
75	MT75	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	Hoạt động học: - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
76	MT76	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	Hoạt động học: Hoạt động học: - Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
77	MT77	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Vui sướng chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (Về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
78	MT78	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	Hoạt động học: - Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát.
79	MT79	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	Hoạt động học: - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.

80	MT80	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	Hoạt động học: - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm - Sử dụng một số kĩ năng lựa chọn màu, tô màu để tạo ra sản phẩm đơn giản
81	MT81	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
82	MT82	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	Hoạt động học: Sử dụng một số kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.
83	MT83	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	Hoạt động học: - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối
84	MT84	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
85	MT85	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn
86	MT86	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	Hoạt động học: - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
87	MT87	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	Hoạt động học: - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm - Sử dụng một số kĩ năng lựa chọn màu, tô màu để tạo ra sản phẩm đơn giản
88	MT88	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kĩ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm đơn giản.
89	MT89	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.

90	MT90	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	Hoạt động học: - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối
91	MT91	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
92	MT92	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
93	MT93	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: - Vận động đơn giản theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc
94	MT94	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Hoạt động học: - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
95	MT95	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

**THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2023 - 2024**

MẪU GIÁO 3-4 TUỔI : GỒM 10 CHỦ ĐỀ

Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 09/9/2024 – 24/5/2024

TT	Tên chủ đề	Số tuần/ chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Trường Mầm non	4	Tuần 1	09/9 - 13/9/2024	Trung Thu: Thứ 6 ngày 17/9 (15/8 âm lịch)
			Tuần 2	16/9 - 20/9/2024	
			Tuần 3	23/9 - 27/9/2024	
			Tuần 4	30/9 - 04/10/2024	
2	Gia đình	3	Tuần 5	07/10 - 11/10/2024	Ngày thành lập HLHPN Việt Nam: Chủ nhật ngày 20/10
			Tuần 6	14/10 - 18/10/2024	
			Tuần 7	21/10 - 25/10/2024	
3	Bản thân	3	Tuần 8	28/10 - 01/11/2024	
			Tuần 9	04/11 - 08/11/2024	
			Tuần 10	11/11 - 15/11/2024	
4	Giao thông	4	Tuần 11	18/11 - 22/11/2024	Ngày nhà giáo Việt Nam: Thứ 4 ngày 20/11
			Tuần 12	25/11 - 29/11/2024	
			Tuần 13	02/12 - 06/12/2024	
			Tuần 14	09/12 - 13/12/2024	
5	Nghề nghiệp	4	Tuần 15	16/12 - 20/12/2024	- Ngày thành lập QĐNDVN: Chủ nhật ngày 22/12 - Kết thúc HK I: Ngày 10/01/2025
			Tuần 16	23/12 - 27/12/2024	
			Tuần 17	30/12 - 03/01/2025	
			Tuần 18	06/01 - 10/01/2025	
6	Tết và mùa xuân	3	Tuần 19	13/01 - 17/01/2025	- Ngày 13/01/2025: Bắt đầu HKII - Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử
			Tuần 20	20/01 - 24/01/2025	
			Tuần 21	10/02 - 14/02/2025	
	Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 27/01 - 08/02/2025				
7	Thế giới thực	4	Tuần 22	17/02 - 21/02/2025	

	vật		Tuần 23	24/02 - 28/02/2025	<i>Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 (Thứ 7)</i>
			Tuần 24	03/03 - 07/3/2025	
			Tuần 25	10/3 - 14/3/2025	
8	Thể giới động vật	4	Tuần 26	17/3 - 21/3/2025	<i>Giỗ Tổ Hùng Vương 07/4/2025</i>
			Tuần 27	24/3 - 28/3/2025	
			Tuần 28	31/3 - 04/4/2025	
			Tuần 29	07/4 - 11/4/2025	
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	3	Tuần 30	14/4 - 18/4/2025	<i>Nghỉ Lễ 30/4, 1/5 (Thứ 4, 5)</i>
			Tuần 31	21/4 - 25/4/2025	
			Tuần 32	28/4 - 02/5/2025	
10	Quê hương, đất nước, Bác Hồ	3	Tuần 33	05/5 - 09/5/2025	<i>- Kết thúc học kỳ II: 23/5/2025 (Thứ 6)</i>
			Tuần 34	12/5 - 16/5/2025	
			Tuần 35	19/5 - 23/5/2025	

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT
CHỦ TỊCH



Bùi Thị Thủy

Phương Nam, ngày 30 tháng 8 năm 2024
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Phiên

3. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi mẫu giáo 4-5 tuổi

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Hoạt động khác: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Nhún chân. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	Hoạt động học: - Đi trên ghế thể dục (đầu đội túi cát) - Đi bước dồn trước - bước dồn ngang -Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Những chú kiến tha mồi

3	MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích đặc).	Hoạt động học: - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh.
4	MT4	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	Hoạt động học: - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném trúng đích bằng 1 tay.
5	MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích đặc (3 - 4 điểm đích đặc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	Hoạt động học: + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m. + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò đích đặc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.
6	MT6	<i>Trẻ thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động Bật-nhảy</i>	Hoạt động học: - Bật nhảy + Bật liên tục về phía trước + Bật xa 35-40cm + Bật- nhảy từ trên cao xuống 30-35 cm + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô + Bật qua vật cản cao 10-15cm + Nhảy lò cò 3m
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
7	MT7	3.1. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay.	Hoạt động khác: - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn,

		- Gập, mở, các ngón tay.	nổi...
8	MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	Hoạt động khác: - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
9	MT9	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	Hoạt động học: - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin.
10	MT10	<i>Trẻ nhận biết món ăn lành mạnh và có lợi cho sức khỏe</i>	Hoạt động học: - Món ăn vật lành mạnh - Ăn uống đầy đủ, hợp lý và lành mạnh, cân đối: thử thức ăn mới, uống nhiều nước, ăn sáng, đồ ăn lành mạnh khi đi ăn ở ngoài... - Từ chối thực phẩm không lành mạnh
11	MT11	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	Hoạt động học: - Tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến: rau luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo..... - Tên một số món ăn: luộc, xào có lợi cho sức khỏe khi thay đổi thời tiết; - Một số thức ăn đơn giản, món ăn vật lành mạnh, món ăn không có lợi cho sức khỏe, cách bảo quản món ăn/.
12	MT12	1.3. Biết ăn để cao lớn,	Hoạt động khác:

		khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - Ăn uống đầy đủ hợp lý và lành mạnh cân đối: Thử thức ăn mới, uống nhiều nước, ăn sáng, đồ ăn lành mạnh khi đi ăn ở ngoài... - Từ chối thực phẩm không lành mạnh
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
13	MT13	2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	Hoạt động khác: - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Ngủ đúng giờ, ngủ đủ giấc theo quy định
14	MT14	2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	Hoạt động khác: + Cầm cốc, rót nước + Xúc cơm
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
15	MT15	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	Hoạt động khác: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. - Phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn.
16	MT16	<i>Nhận biết nguyên nhân, dấu hiệu nhận biết và cách phòng tránh một số bệnh đang phổ biến hiện tại</i>	Hoạt động khác: - Nhận biết một số biểu hiện sốt, ho... - Chấp hành tiêm phòng - Tuân thủ quy tắc phòng bệnh
17	MT17	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo	Hoạt động khác: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy

		ẩm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.	máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
18	MT18	4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	Hoạt động học: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
19	MT19	4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	Hoạt động học: - Nơi nguy hiểm: + Hồ. + Ao. + Bể chứa nước. + Hồ vôi
20	MT20	4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đũa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	Hoạt động khác: - Không cưỡi đũa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.. - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
21	MT21	4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi	Hoạt động khác: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống

		gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
22	MT22	1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướm?....	Hoạt động khác: - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Quan sát, chú ý đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo ?”; “Vì sao lá cây bị ướm ?”... - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm
23	MT23	<i>Trẻ được làm quen một vài cách sử dụng đơn giản công nghệ thông tin: Máy tính, thiết bị đồ dùng, đồ chơi thông minh</i>	Hoạt động học: - Máy tính: chuột máy tính, màn hình máy tính, thân máy tính, bàn phím máy tính, cách sử dụng..... - Thiết bị thông minh: Trẻ thực hiện thao tác đơn giản với ti vi thông minh, vẽ cây, hoa, quả, trò chơi, Xóa khi không thích.....
24	MT24	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	Hoạt động học: - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

			- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
25	MT25	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	Hoạt động học: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
26	MT26	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	Hoạt động học: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.
27	MT27	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	Hoạt động học: - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
28	MT28	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	Hoạt động khác: - Làm một số thí nghiệm về nước: tính chất của nước, một vài chất tan trong nước; vật chìm vật nổi, Quả trứng kì diệu, Biến đổi màu sắc.
29	MT29	<i>Trẻ được tiếp cận qua phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.</i>	Hoạt động học: - Các hoạt động trải nghiệm, khám phá qua phương pháp giáo STEM, EDP, STEAM: + Trẻ làm một số thí nghiệm đơn giản...

			+ Hoạt động vui chơi: hoa nở trong nước, trứng chìm trứng nổi.....
30	MT30	2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	Hoạt động học: Giấy có thể đi dưới nước mà không bị ướt không?; Trứng gà trong nước (có muối và không có muối)?; Làm thế nào để một vật có thể nổi? - Điều gì xảy ra nếu bạn đặt một đồng xu trong một cốc nước đầy? Cái gì sẽ tan ở trong nước?; Các lớp chất lỏng;
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
31	MT31	3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Hoạt động học: - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Các giai đoạn phát triển của bé. Hoạt động khác: - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - Một số loại rau, - Một số loại cây. - Quá trình phát triển của cây từ hạt - Vòng đời phát triển của bướm - Phân biệt một số loại PTGT.
32	MT32	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Hoạt động học: - Nhận biết được đối tượng qua hoạt động tạo hình âm nhạc
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
33	MT33	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	Hoạt động học: - Thích đếm các vật ở xung quanh. - Phát hiện chữ số ở môi trường xung quanh

			trẻ. - Hứng thú tham gia các hoạt động đếm số lượng, chữ số ở lớp.
34	MT34	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	Hoạt động học: - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 - Đếm theo khả năng.
35	MT35	1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	Hoạt động học: - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10.
36	MT36	1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	Hoạt động học: - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
37	MT37	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	Hoạt động học: - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
38	MT38	1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	Hoạt động học: * Làm quen với tập hợp, số lượng, số thứ tự và số đếm: - Đếm số lượng:
39	MT39	1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Hoạt động học: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
2. Sắp xếp theo qui tắc			
40	MT40	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	Hoạt động học: - Xếp tương ứng 1 - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. -1, ghép đôi.
3. So sánh hai đối tượng			
41	MT41	3. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	Hoạt động học: - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.

4. Nhận biết hình dạng			
42	MT42	4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,).	Hoạt động học: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
43	MT43	4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			
44	MT44	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	Hoạt động học: - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - Phía sau; phía trên - Phía dưới; phía phải - Phía trái).
45	MT45	5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Hoạt động học: - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
c) Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
46	MT46	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
47	MT47	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Hoạt động học: - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
48	MT48	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Nói được địa chỉ của gia đình mình. (Số nhà, đường phố, thôn xóm) khi được hỏi, trò chuyện
49	MT49	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.

50	MT50	1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Nói được tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
51	MT51	1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
52	MT52	2. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
53	MT53	3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	Hoạt động học: - Tên gọi, đặc điểm, các hoạt động của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa nơi trẻ sống: khai giảng, Tết Trung thu, Tết thiếu nhi; ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày sinh nhật Bác, Tết Nguyên đán, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; Ngày 22/12; Ngày giỗ tổ Hùng Vương... Tìm hiểu lá cờ Tổ quốc và Quốc ca, đất nước, thủ đô...
54	MT54	<i>Trẻ có một số hiểu biết về cờ Tổ quốc, Quốc ca Việt Nam, đất nước, thủ đô, thành phố.</i>	
54	MT54	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	Hoạt động học: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh nổi tiếng ở địa phương: Chùa Yên tử, Chùa Hang Sơn. Chùa Ba Vàng. - Khám phá vịnh Hạ Long, Thủ đô Hà Nội, qua các hoạt động. - Cảnh đẹp quê hương.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
55	MT55	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn	Hoạt động học: - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.

		màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	
56	MT56	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	Hoạt động học: - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm: rau quả, con vật, đồ gỗ...
57	MT57	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	Hoạt động học: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
58	MT58	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	Hoạt động học: - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
59	MT59	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	Hoạt động khác: - Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...trong giao tiếp.
60	MT60	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Hoạt động khác: - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau: Câu đơn, câu phủ định... - Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày. - Trả lời được các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Khi nào?”, “Để làm gì?”.
61	MT61	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.	Hoạt động học: - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Kể lại truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
62	MT62	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Hoạt động học: - Đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, hò vè.
63	MT63	2.6. Kể chuyện có mở	Hoạt động học:

		đầu, kết thúc.	- Kể lại câu chuyện đã được nghe có mở đầu, kết thúc.
64	MT64	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	Hoạt động khác: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. - Đóng kịch. - Diễn rối.
65	MT65	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	Hoạt động khác: - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp (VD: Vâng ạ, dạ, thưa, cảm ơn, xin lỗi, mời cô, mời bạn).
66	MT66	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
3. Làm quen với đọc, viết			
67	MT67	3.1. Chọn sách để xem.	Hoạt động khác: - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
68	MT68	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	Hoạt động khác: - Xem tranh, mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. - Đóng kịch. - Diễn rối.
69	MT69	3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	Hoạt động khác: - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
70	MT70	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	Hoạt động khác: - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sử dụng kí hiệu để “Viết” tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng.
71	MT71	3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	Hoạt động khác: - Làm quen với cách viết tiếng Việt:

			+ Hướng đọc, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Nhận dạng một số chữ cái.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			
1. Thể hiện ý thức về bản thân			
72	MT72	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	Hoạt động khác: - Tên, tuổi, giới tính.
73	MT73	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	Hoạt động học: - Sở thích, khả năng của bản thân.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
74	MT74	2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Hoạt động học: - Tự chọn đồ chơi, trò chơi bé thích. - Chơi các trò chơi, các tình huống để trải nghiệm khám phá về bản thân.
75	MT75	2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	Hoạt động khác: - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). - Đội mũ bảo hiểm - Lên/xuống xe máy an toàn - Quyét nhà - Lau sàn nhà - Gấp quần áo, Gấp chăn nhỏ - Hoa quả dầm - Nhặt rau
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
76	MT76	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	Hoạt động khác: - Một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói qua tiếp xúc trực tiếp hoặc tranh ảnh.

77	MT77	3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Hoạt động khác: - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
78	MT78	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	Hoạt động học: - Hình ảnh của Bác. - Lăng Bác Hồ.
79	MT79	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Hoạt động học: - Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về bác Hồ.
80	MT80	3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	Hoạt động học: - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp của quê hương, lễ hội của quê hương, đất nước.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
81	MT81	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	Hoạt động khác: - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).
82	MT82	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Hoạt động khác: - Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - Phân biệt một số hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.
83	MT83	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Hoạt động khác: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép
84	MT84	4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Chờ đến lượt, hợp tác khi tham gia vào các hoạt động.
85	MT85	4.5. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	Hoạt động khác: - Trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung. - Quan tâm, giúp đỡ bạn.

86	MT86	<i>Trẻ làm quen với các hình thức, dấu hiệu bị bạo hành và xâm hại và kỹ năng phòng tránh</i>	Hoạt động học: - Làm quen với các hình thức bạo hành phổ biến (Thể chất, tinh thần...) - Làm quen với các dấu hiệu bạo hành phổ biến (Cơ thể, sợ hãi, thái độ, tâm lý...) - Phản ứng khi bị đánh, mắng ... - Khuyến khích trẻ kể về hoạt động hằng ngày - Dạy trẻ không lên dữ bí mật khi bị đe dọa - Kỹ năng xử lý khi gặp tình huống nguy hiểm
5. Quan tâm đến môi trường			
87	MT87	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Hoạt động khác: - Chăm sóc cây, con vật quen thuộc. - Giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định. - Không bẻ cành bứt hoa - Tiết kiệm điện, nước: Không để tràn nước khi rửa tay, tắt điện khi ra khỏi phòng.
88	MT88	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	Hoạt động khác: - Giữ gìn vệ sinh môi trường
89	MT89	5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.	Hoạt động khác: - Chăm sóc cây, hoa, không bứt lá, bẻ cành
90	MT90	5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	Hoạt động học: - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Cách bảo vệ nguồn nước
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
91	MT91	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi	Hoạt động khác: - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên

		cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
92	MT92	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	Hoạt động khác: - Hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. - Nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe kể câu chuyện.
93	MT93	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Hoạt động khác: - Ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
94	MT94	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	Hoạt động học: - Hát đúng giai điệu và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát. - Hát đúng lời ca của các bài hát phù hợp với lứa tuổi.
95	MT95	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	Hoạt động khác: - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Vỗ tay, sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu chậm. - Sử dụng các dụng cụ theo theo nhịp, tiết tấu chậm.
96	MT96	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Hoạt động khác: - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.
97	MT97	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Hoạt động học: - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
98	MT98	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có	Hoạt động khác: Xé, cắt, dán tạo thành sản phẩm có màu sắc, bố cục

		màu sắc, bố cục.	
99	MT99	2.6. Làm lõm, dô bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Hoạt động học: - Sử dụng các kĩ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
100	MT100	2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Hoạt động học: Sử dụng phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
101	MT101	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Hoạt động khác: - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét
102	MT102	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Hoạt động học: - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
103	MT103	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Hoạt động học: - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
104	MT104	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Hoạt động học: Xe, cắt, dán tạo thành sản phẩm có màu sắc, bố cục
105	MT105	2.6. Làm lõm, dô bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Hoạt động học: - Sử dụng các kĩ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
106	MT106	2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Hoạt động học: Sử dụng phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
107	MT107	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Hoạt động học: - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
108	MT108	3.1. Lựa chọn và tự thể	Hoạt động học:

		hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
109	MT109	3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Hoạt động học: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
110	MT110	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Hoạt động khác: - Làm đồ chơi - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
111	MT111	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

**THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2024 - 2025**

MẪU GIÁO 4-5 TUỔI : GỒM 10 CHỦ ĐỀ

Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 09/9/2024 – 23/5/2025

TT	Tên chủ đề	Số tuần/ chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Trường Mầm non	4	Tuần 1	09/9 - 13/9/2024	Trung Thu: Thứ 6 ngày 17/9 (15/8 âm lịch)
			Tuần 2	16/9 - 20/9/2024	
			Tuần 3	23/9 - 27/9/2024	
			Tuần 4	30/9 - 04/10/2024	
2	Gia đình	3	Tuần 5	07/10 - 11/10/2024	Ngày thành lập HLHPN Việt Nam: Chủ nhật ngày 20/10
			Tuần 6	14/10 - 18/10/2024	
			Tuần 7	21/10 - 25/10/2024	
3	Bản thân	3	Tuần 8	28/10 - 01/11/2024	
			Tuần 9	04/11 - 08/11/2024	
			Tuần 10	11/11 - 15/11/2024	
4	Giao thông	4	Tuần 11	18/11 - 22/11/2024	Ngày nhà giáo Việt Nam: Thứ 4 ngày 20/11
			Tuần 12	25/11 - 29/11/2024	
			Tuần 13	02/12 - 06/12/2024	
			Tuần 14	09/12 - 13/12/2024	
5	Nghề nghiệp	4	Tuần 15	16/12 - 20/12/2024	- Ngày thành lập QĐNDVN: Chủ nhật ngày 22/12 - Kết thúc HK I: Ngày 10/01/2025
			Tuần 16	23/12 - 27/12/2024	
			Tuần 17	30/12 - 03/01/2025	
			Tuần 18	06/01 - 10/01/2025	
6	Tết và mùa xuân	3	Tuần 19	13/01 - 17/01/2025	- Ngày 13/01/2025: Bắt đầu HKII - Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử
			Tuần 20	20/01 - 24/01/2025	
			Tuần 21	10/02 - 14/02/2025	
	Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 27/01 - 08/02/2025				
7	Thế giới thực vật	4	Tuần 22	17/02 - 21/02/2025	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 (Thứ 7)
			Tuần 23	24/02 - 28/02/2025	
			Tuần 24	03/03 - 07/3/2025	
			Tuần 25	10/3 - 14/3/2025	
8	Thế giới động vật	4	Tuần 26	17/3 - 21/3/2025	Giỗ Tổ Hùng Vương
			Tuần 27	24/3 - 28/3/2025	
			Tuần 28	31/3 - 04/4/2025	

			Tuần 29	07/4 - 11/4/2025	07/4/2025
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	3	Tuần 30	14/4 - 18/4/2025	Nghỉ Lễ 30/4, 1/5 (Thứ 4, 5)
			Tuần 31	21/4 - 25/4/2025	
			Tuần 32	28/4 - 02/5/2025	
10	Quê hương, đất nước, Bác Hồ	3	Tuần 33	05/5 - 09/5/2025	- Kết thúc học kỳ II: 23/5/2025 (Thứ 6)
			Tuần 34	12/5 - 16/5/2025	
			Tuần 35	19/5 - 23/5/2025	

HỘI ĐỒNG TRƯỞNG PHÊ DUYỆT

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Thủy

Phương Nam, ngày 30 tháng 8 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Phiên

5. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi mẫu giáo 5-6 tuổi

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Hoạt động học: Hoạt động học: Các động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. - Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Các động tác phát triển cơ bụng, lưng: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Các động tác phát triển cơ chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi	Hoạt động học: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, + Đi khụy gối

			+ Đi trên dây + Đi trên ván kê dốc + Đi nổi bàn chân tiến lùi + Đi thẳng bằng trên ghế thể dục theo yêu cầu của cô (Kết hợp đầu đội túi cát). + Đi thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh.
3	MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	Hoạt động học: Hoạt động học: - Đi, chạy thay đổi hướng (đích dắc) theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.
4	MT4	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động tung, ném, bắt: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m).	Hoạt động học: Phối hợp tay- mắt nhịp nhàng khi tập bài tập +Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. - Ném bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m. + Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Đập bắt bóng tại chỗ. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.
5	MT5	2.4. Trẻ thể hiện tố chất nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập của vận động bò, trườn, trèo: (CS4)	Hoạt động học: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m - 5m. + Bò đích dắc qua 7 điểm cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 giống thang. (cao 1,5m).
6	MT6	2.5 Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn khi thực hiện vận động bật: (CS1)	Hoạt động học: + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 50cm.

			+ Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm.
7	MT7	2.6 Trẻ có thể kiểm soát và giữ được thăng bằng khi thực hiện vận động nhảy (CS2)	Hoạt động học: + Nhảy lò cò 5m. (Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.) + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm).
8	MT8	2.7 Trẻ thể hiện được sức mạnh, sức bền, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể khi chạy: (CS 12,	Hoạt động học: + Chạy 18m trong khoảng 5-7 giây. + Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.
9	MT9	2.8 Trẻ có thể tham gia các hoạt động học tập không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30p.(CS14)	Hoạt động học: - Tham gia các hoạt động trong khoảng 30 – 35 phút không có dấu hiệu mệt mỏi (ngáp, buồn ngủ, uể oải...)
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
10	MT10	3.1. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	Hoạt động học: - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét.
11	MT11	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).	Hoạt động khác: - Cài và mở được hết các cúc áo - Tự mặc và cởi được quần - Tự xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa phéc mơ tuya - Cầm bút đúng bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Tô màu đều, không chồm ra ngoài nét vẽ - Tô đồ theo nét vẽ, hình vẽ không chồm ra ngoài hình vẽ. - Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số. - Ghép và dán hình - Cầm kéo bằng 3 ngón tay, cắt giấy theo hình trẻ thích và cắt theo yêu cầu của cô không làm rách giấy.

			- Đường cắt lượn sát theo nét vẽ - Bôi hồ đều - Các chi tiết không chồng lên nhau - Dán hình vào bức tranh phẳng phiu - Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ: bẻ, nắn; lắp ráp, khâu, luồn, buộc dây... - Xâu hạt lỗ nhỏ, cài-cởi nút, kéo khoá, vo, miết, vặn, véo, gấn, nới, thắt buộc
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
12	MT12	1.1. Trẻ có thể nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản (CS19).	Hoạt động học: Tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
13	MT13	1.2. Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm.	Hoạt động học: -Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: -Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... -Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... -TP giàu chất bột đường: Gạo, ngô, khoai, sắn, bánh mì... -TP giàu chất béo: lạc, vừng, mỡ, dầu...
14	MT14	1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	Hoạt động học: - Kể được một số thức ăn, nước uống có hại, có mùi hôi/ chua/có màu lạ. Ví dụ: các thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả chưa rửa sạch. Không ăn uống những thức ăn đó. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			

15	MT15	2.1. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản. (CS 15,18).	Hoạt động học: -Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. -Tự mặc và cởi áo: Thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. -Tự đeo tất, xỏ dép, đội mũ, quàng khăn. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.
16	MT16	2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	Hoạt động học: - Cầm bát thìa đúng cách - Tự cầm cốc uống nước - Xúc cơm ăn thành thạo - Hành vi văn hóa khi ăn uống: cầm thìa, bát, cách ăn,..sắp xếp bàn ăn...
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
17	MT17	3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:	Hoạt động học: Một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. -Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. -Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Nhặt cơm rơi vãi vào đĩa. - Không cười đùa, nói chuyện khi ăn. - Ăn chậm, nhai kỹ.
18	MT18	3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:	Hoạt động khác: -+ Một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Rửa mặt, vệ sinh răng miệng sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - - Chải tóc, vuốt tóc khi bù, rối. - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Ra nắng, ra mưa: đội mũ, che ô; đi tất, mặc

			áo ấm khi trời lạnh rét. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. -Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp...
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
19	MT19	4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	Hoạt động khác: - Các đồ dùng dụng cụ gây nguy hiểm: bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, dao, kéo.... - Mối nguy hiểm khi đến gần và nghịch; Bỏng, đứt tay, chảy máu... - Nơi nguy hiểm khi có các HTTN (giông, lốc, sét, mưa đá, bão, lũ, lụt...): ở ngoài trời, đứng dưới gốc cây khi mưa to, đứng gần các thiết bị điện, gần sông, suối, chỗ nước chảy xiết...
20	MT20	<i>4.8 Trẻ biết hút thuốc lá là có hại cho sức khỏe và không lại gần người đang hút thuốc (CS 26)</i> - Có biểu hiện không đồng tình khi thấy người hút thuốc	Hoạt động khác: - Tác hại của hút thuốc, gần người hút thuốc: Gây ho, viêm phổi, viêm đường hô hấp. - Nhắc nhở và yêu cầu không hút.
21	MT21	4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	Hoạt động khác: - Phân biệt nơi bẩn và sạch. - Phân biệt nơi nguy hiểm (hồ, ao, sông, suối, vực, ổ điện...) và nơi không nguy hiểm - Chơi ở nơi sạch và an toàn.
22	MT22	4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:	Hoạt động khác: - Nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: + Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc -Không tự ý uống thuốc. - Không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ

			đễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe...
23	MT23	4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...	Hoạt động khác: - Gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân
24	MT24	4.5. Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: (CS23)	Hoạt động khác: Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - không tự ý đi chơi một mình. - Đi bộ trên vỉa hè, đi bên phải đường; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... - Không chơi gần hồ, ao, sông, suối, cống, rãnh nước sâu...
25	MT25	4.6 Trẻ nhận biết những nguy cơ, những hành vi xâm hại và có kỹ năng phòng ngừa với các hành vi bị xâm hại.	Hoạt động khác: - Những nguy cơ, những hành vi xâm hại: Người lạ sờ mó trên người, đánh đập, xâm phạm thân thể... - Kỹ năng phòng ngừa với các hành vi bị xâm hại: Gọi người giúp đỡ, hô hoán to, chạy, không đến gần người lạ, không nhận quà của người lạ...
26	MT26	4.7 Trẻ có nhận biết về PCCN; - NB một số nguồn gây cháy nổ, Nhận biết dấu hiệu cháy, các tín hiệu báo cháy. - Biết cách phòng tránh và có hành động phù hợp	Hoạt động học: - Nguồn gây cháy nổ: Bếp ga, dây điện, ổ điện... - Các dấu hiệu cháy: Lửa cháy, khói, tiếng nổ... -Tín hiệu báo động cháy: Còi cứu hỏa, đèn báo cháy.

		<i>khi nghe các tín hiệu báo động cháy</i>	- Cách phòng tránh: Không nghịch dây, ổ điện, không nghịch bếp ga, bật lửa, diêm - Hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy: Di rời ra khỏi nơi cháy, vùng cháy, gọi người lớn, cách thoát hiểm an toàn
5. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi			
27	MT27	<i>5.1 Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu của trẻ theo độ tuổi.</i> <i>- Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Cân nặng: . Trẻ trai: 15,9 – 27,1 kg . Trẻ gái: 15,3 – 27,8 kg + Chiều cao: . Trẻ trai: 106,1 – 125,8 cm . Trẻ gái: 104,9 – 125,4 cm</i>	Hoạt động khác: - Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu của trẻ theo độ tuổi. - Khám sức khỏe định kỳ theo qui định. - Cân đo theo định kỳ. - Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác.
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
28	MT28	1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	Hoạt động học: - Mưa có từ đâu? - Đặt câu hỏi cho trẻ trong các hoạt động, đưa các tình huống có vấn đề để trẻ tích cực đặt câu hỏi về những sự vật hiện tượng
29	MT29	1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	Hoạt động học: - Quan sát nhóm cây cối, con vật.... qua các hình ảnh trực quan - Tìm hiểu đặc điểm, lợi ích, và tác hại của động vật, thực vật, cây, hoa, quả... - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
30	MT30	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được	Hoạt động học: - Làm sách biểu thị các hoạt động của cơ thể - Thử nghiệm gieo hạt. - Thí nghiệm trồng cây được tưới nước, cây thiếu nước, cây thiếu không khí, cây thiếu

		tươi nước và không tươi, theo dõi và so sánh sự phát triển.	ánh sáng, ghi nhật kí theo dõi và so sánh sự phát triển. - Thí nghiệm vật nổi vật chìm trong nước - Làm thí nghiệm nước ở trạng thái rắn, lỏng, khí - Xem clip vòng tuần hoàn của nước
31	MT31	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	Hoạt động học: - Làm sách biểu thị các hoạt động của cơ thể - Trò chơi: Hoa nào quả nấy; Tìm lá cho hoa... - Trò chơi: Hãy tìm người khác biệt; Ai không giống tôi; Thử tài của bé - Làm sách: Vật chìm vật nổi; Bốn mùa quanh em; Sự bốc hơi của nước; Sự ngưng tụ của nước.....
32	MT32	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	Hoạt động học: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật, PTGT... và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật, PTGT... theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
33	MT33	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	Hoạt động học: - Trẻ giải thích một số quan hệ nguyên nhân kết quả - Mối quan hệ của động vật, thực vật, phương tiện giao thông, nghề nghiệp...với biến đổi khí hậu và thiên tai
34	MT34	2.2. Giải thích được mối liên hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.	Hoạt động khác: - Mối liên hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. (Không ăn, lười ăn sẽ ốm yếu, mệt mỏi; cây chăm sóc nhiều sẽ xanh tốt- nhiều quả...)
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			

35	MT35	3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Hoạt động học: - Trẻ nhận biết được các bộ phận của cơ thể con người. Trẻ nhận biết được về chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - So sánh sự giống và khác nhau của con vật, cây cối, hoa quả. Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu - Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa các sự vật hiện tượng - Các loại đồ chơi - Phương tiện giao thông
36	MT36	3.4 Trẻ được tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến	Hoạt động học: - Các hoạt động trải nghiệm qua phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ - Các hoạt động trải nghiệm, khám phá - Các phương pháp giáo dục tiên tiến Montessori, Stem.
37	MT37	3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Hoạt động học: - Có cách thực hiện một nhiệm vụ khác hơn so với chỉ dẫn cho trước mà vẫn đạt được kết quả tốt đỡ tốn thời gian... - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống cách các bạn khác làm. - Tự vận động minh họa, múa sáng tạo khác hợp lý nhưng khác với hướng dẫn của cô. - Múa, minh họa theo bài hát. - Tham gia làm đồ dùng đồ chơi tự tạo cùng cô, tham gia hoạt động tạo hình
38	MT38	3.3 Trẻ có hiểu biết về một số hiện tượng tự nhiên. - Dự đoán một số HTTN sắp xảy ra (CS95) Trẻ có một số kỹ năng trong việc phòng chống khí hậu khắc nghiệt.	Hoạt động khác: Tên, đặc điểm, ích lợi, tác hại của một số HTTN (mưa, bão, nắng, gió...) Một số biểu hiện sắp xuất hiện hoặc mất đi các HTTN: Khi mây đen kéo đến thì sắp mưa, cầu vồng xuất hiện sau mưa... - Một số kỹ năng trong việc phòng chống; Không chơi dưới trời mưa, trời nắng to,

			không chơi gần hồ ao, suối...
39	MT39	3.5 Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm. (CS 94)	Hoạt động học: Tên mùa, đặc điểm của các mùa (thời tiết, các hoạt động đặc trưng trong mùa...): Xuân, hè, Thu Đông. - Mùa xuân: Ấm áp, cây cối xanh tươi đâm chồi nảy lộc, có ngày tết nguyên đán... - Mùa hè: Nóng, nắng, mưa rào nhiều, học sinh nghỉ hè.. - Mùa thu; Ấm áp, nhiều lá cây rụng, có tết trung thu - Mùa đông: Trời rét, khô, gió bắc,
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
40	MT40	1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	Hoạt động học: - Lấy và đếm đồ dùng, đồ chơi theo yêu cầu. Đếm theo khả năng.. Chọn thẻ số (viết số) đặt vào nhóm đồ vật tương ứng sau khi đếm. Viết các chữ số trên cát.Nặn, cắt, dán, tô màu, trang trí các chữ số và tạo nhóm có số lượng tương ứng. Đọc các số trên lịch, trên đồng hồ, trên biển số xe, số nhà, số điện thoại. Viết ngày, số nhà, số điện thoại, số trên đồng hồ và trên một số đồ dùng phương tiện khác, nhận biết các số điện thoại k ần cấp 113,114,115. Đọc số trên lịch: lịch bàn, lịch treo tường. Làm các bài tập toán về số lượng.
41	MT41	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	Hoạt động học: - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm từ 0 đến 10: đếm xuôi, đếm ngược.
42	MT42	1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	Hoạt động học: - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong PV 10. - Tìm 3 nhóm đồ vật có số lượng không bằng nhau. Lấy 3 nhóm đồ vật, đồ chơi có số lượng không bằng nhau theo yêu cầu. Xếp

			tương ứng, so sánh 2,3 nhóm số lượng. Làm bài tập so sánh: Tô màu nhóm đồ chơi có số lượng nhiều hơn (ít hơn, bằng nhau). Cho đồ vật, đồ chơi vào 2,3 hộp (túi) dự đoán và so sánh số lượng, nêu kết quả.
43	MT43	1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	Hoạt động học: - Thêm bớt tạo sự bằng nhau của các nhóm đối tượng - Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 và đếm.
44	MT44	1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	Hoạt động học: - Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 thành 2 phần bằng các cách và đếm.
45	MT45	1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Hoạt động học: - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
46	MT46	1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Hoạt động học: - Ứng dụng số lượng, chữ số, số thứ tự vào cuộc sống hàng ngày (số nhà, điện thoại, giá tiền, biển số xe, số gọi cảnh sát, cấp cứu, báo cháy,...).
2. Sắp xếp theo quy tắc			
47	MT47	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	Hoạt động học: - Phát hiện quy tắc sắp xếp và xếp tiếp theo quy tắc. - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tìm chỗ không đúng quy tắc, khiếm khuyết hoặc bất hợp lý. - Phát hiện và làm theo quy luật đơn giản. - Xếp theo trình tự hợp lý (4-5 đối tượng).
48	MT48	2.2. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	Hoạt động học: - Tự xếp ra qui tắc riêng và nói ra qui tắc sắp xếp đó. - Nhận ra qui tắc sắp xếp của đối tượng/của con số và tiếp tục theo qui tắc đó.

			- Chọn đối tượng để sắp xếp vào vị trí còn bỏ trống cho đúng qui tắc. - Ghép thành cặp các đối tượng có mối liên quan Hoạt động khác: - Sưu tầm các trang phục, đồ dùng có các cách sắp xếp khác nhau (theo quy tắc) - Trò chơi: ghép tranh, tìm đúng hình, thi xếp nhanh, xếp giống mẫu, dãy số lặp lại, ai nhanh nhất, bé sáng tạo, xếp tháp...
49	MT49	2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	Hoạt động học: - Sáng tạo mẫu và sắp xếp theo ý thích. - Phát hiện đối tượng sắp xếp không theo qui tắc (phát hiện chỗ sai và sắp xếp lại).
3. So sánh hai đối tượng			
50	MT50	3.1 Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	Hoạt động học: - Đo dung tích, đo thể tích nước, chất lỏng bằng một số dụng cụ: Ca, cốc, gáo. - So sánh nhiều hơn, ít hơn- diễn đạt bằng lời nói. -Đo độ dài và nói kết quả đo
4. Nhận biết hình dạng			
51	MT51	4. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	Hoạt động học: - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. Hoạt động khác: - Tạo hình cơ bản bằng các cách khác nhau: căng dây chun, nới chằm, xếp que...Làm bài tập nới đồ vật có dạng khối tương ứng, quan sát và tập gấp các hình có sẵn để tạo thành khối, chọn đúng các hình để xếp được thành khối theo yêu cầu, sờ và chọn đúng khối.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			

52	MT52	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Hoạt động học: - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - Phía sau; phía trên - Phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
53	MT53	5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	Hoạt động học: - Gọi tên các thứ trong tuần. - Các mùa trong năm - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
54	MT54	5.3 Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ	Hoạt động học: - Lịch của trẻ: Quan sát, tìm hiểu các chữ số trên lịch, và ý nghĩa của chúng. - Đồng hồ số học: Quan sát, tìm hiểu, gọi tên các chữ số trên giờ, Tìm hiểu, làm quen với cách xem giờ của một số loại đồng hồ.
c) Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
55	MT55	1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
56	MT56	1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Hoạt động học: - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
57	MT57	1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại	Hoạt động học: - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp

		(nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.	của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Gia đình của bé - Địa chỉ gia đình... - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Ngôi nhà nơi tôi ở - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
58	MT58	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Quan sát lớp học, trường mầm non, Tượng đài liệt sĩ, trường tiểu học, trạm y tế phường, UBND phường. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
59	MT59	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Nói tên, công việc của cô giáo - Nói tên, công việc của các cô bác trong trường MN (Bác bảo vệ, bác cấp dưỡng... - Tình cảm của trẻ đối với các cô bác trong trường
60	MT60	1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
61	MT61	2. Nói đặc điểm và sự	Hoạt động học:

		khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
62	MT62	3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.	Hoạt động học: - Ngày tháng, ý nghĩa của một số ngày lễ lớn trong năm: + Ngày 20/11 là ngày Nhà giáo việt Nam + Ngày 22/12 là ngày TLQĐNDVN + Ngày Tết Nguyên đán + Ngày 19/5 ngày sinh nhật Bác Hồ - Hoạt động diễn ra để kỷ niệm những ngày lễ lớn.
63	MT63	3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Hoạt động học: - Một số danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước: Hồ Yên Trung, Vịnh Hạ Long, Chùa Yên Tử, Chùa Hang Sơn... - Nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
64	MT64	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	Hoạt động học: - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
65	MT65	1.1. Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	Hoạt động học: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại: Chăm chú nghe khi người đối thoại đang nói. Nhận xét, nêu ý nghĩ cảm nhận về ý kiến của người vừa nói bằng ngôn ngữ
66	MT66	1.3 Trẻ nghe - hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ (CS64)	Hoạt động học: - Các câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao phù hợp, gần gũi, ngắn gọn dành cho lứa tuổi của trẻ.

67	MT67	<i>1.4 Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp (CS74)</i>	Hoạt động khác: Chăm chú nghe khi người khác đang nói. Đáp lại ý kiến của người vừa nói bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp (vui, buồn, thất vọng, tức, giận...)
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
68	MT68	2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	Hoạt động học: - Kể chuyện cho trẻ nghe - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể lại sự việc theo trình tự. - Kể chuyện sang tạo: kể theo tranh, về đồ vật, mô hình, thay đổi nhân vật, tính cách, tình tiết, thêm nhân vật.....trong chuyện có sẵn, tự kết thúc chuyện..... Hoạt động khác: - Kể rành mạch về sự vật, hiện tượng, con người - Kể câu chuyện về sự vật đã xảy ra gần gũi xung quanh. - Kể lại sự việc, truyện ngắn một cách mạch lạc.
69	MT69	2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, ... phù hợp với ngữ cảnh.	Hoạt động khác: - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Tự sử dụng đúng các loại câu: Câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định nghi vấn, mệnh lệnh phù hợp với tình huống - Nhận xét, đưa ra ý kiến của bản thân về sự vật hiện tượng nào đó khi được người lớn yêu cầu. - Thương thuyết, và thuyết phục người lớn, bạn bè khi có yêu cầu mong muốn nào đó. - Thuyết trình ý tưởng, phát biểu cảm nghĩ các tác phẩm nghệ thuật, đồ vật của bản thân, về người gần gũi...
70	MT70	2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh	Hoạt động khác: - Sử dụng các câu đơn, câu mở rộng, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu

		lệnh, ...	mệnh lệnh trong giao tiếp hàng ngày đầy đủ các thành phần cấu tạo câu. Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh và đặt câu hỏi: Tại sao? Như thế nào?
71	MT71	2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	Hoạt động khác: - Sử dụng từ biểu cảm, ngữ điệu, cử chỉ điệu bộ, nét mặt (phi NN) khi nói. - Danh từ, động từ, tính từ....phù hợp với câu nói. - Từ láy, từ cảm thán phù hợp với ngữ cảnh và câu nói mà trẻ truyền đạt (VD: Ô tô nhà bạn Lan đẹp ơ là đẹp!)
72	MT72	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	Hoạt động học: - Các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
73	MT73	2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	Hoạt động học: - Kể chuyện sang tạo: kể theo tranh, về đồ vật, mô hình, thay đổi nhân vật, tính cách, tình tiết, thêm nhân vật.....trong chuyện có sẵn, tự kết thúc chuyện.....
74	MT74	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	Hoạt động học: - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Trẻ chủ động sử dụng các câu: Cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt... trong các tình huống phù hợp không cần người lớn nhắc nhở
75	MT75	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	Hoạt động học: - Đóng kịch. Hoạt động khác: - Trò chơi: Đóng kịch với các con rối; Đồ chơi....
3. Làm quen với đọc, viết			
76	MT76	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.	Hoạt động khác: - Thích thú với sách, Các loại sách, tranh, truyện phù hợp
77	MT77	3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	Hoạt động khác: - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói được nội dung mà tranh minh họa

			- Nói được thứ tự của sự việc từ các bức tranh và có thể kể được nội dung chính của câu truyện qua tranh vẽ
78	MT78	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	Hoạt động khác: - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
79	MT79	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	Hoạt động khác: - Một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Các kí hiệu của bản thân: Khăn mặt, ngăn tủ đựng đồ, cốc uống nước,... - Nhận biết các kí hiệu về thời tiết. - Một số biển báo giao thông đơn giản, quen thuộc.
80	MT80	3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	Hoạt động học: - Nhận dạng các chữ cái. - Quan sát, phát hiện chữ cái ở môi trường xung quanh
81	MT81	3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	Hoạt động học: - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Hướng viết của chữ (như đọc), quy trình viết 1 chữ cái. - Cầm bút, ngồi học đúng tư thế. Hoạt động khác: - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Đọc và viết được tên của mình.

			- Tự viết tên của bản thân trong các đồ dùng sinh hoạt cá nhân
82	MT82	3.7 - Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.(CS75)	Hoạt động khác: - Để sách vào đúng nơi qui định. - Vuốt phẳng các trang sách, giở sách nhẹ nhàng, không xé, vẽ bậy vào sách vở... - Cất và giữ gìn sách khi không còn sử dụng đến quyển sách đó.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			
1. Thể hiện ý thức về bản thân			
83	MT83	1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính, Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình. + Số điện thoại của bố mẹ.
84	MT84	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Hoạt động khác: - Sở thích, khả năng của bản thân. - Chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác - Không chê bai bạn
85	MT85	1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). Trẻ có ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (CS28)	Hoạt động học: - Nhận biết, phân biệt quần áo của bạn trai bạn gái. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Nhận ra được một số hành vi ứng xử cần có, Sở thích có thể khác nhau giữa bạn trai và bạn gái VD: bạn gái cần nhẹ nhàng trong khi nói, đi đứng, bạn trai cần phải giúp đỡ các bạn gái bê bàn xách các đồ nặng ...bạn trai thích

			chơi đá bóng, bạn gái thích chơi búp bê ... - Thường thể hiện các hành vi ứng xử phù hợp, lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính, gái ngồi khép chân khi mặc váy, không thay quần áo nơi đông người, bạn trai mạnh mẽ sẵn sàng giúp đỡ bạn gái khi bưng bê đồ vật nặng - Kỹ năng giao tiếp có văn hóa (nói lời chào với cô giáo và bạn bè, nói lời tạm biệt với cha / mẹ / người thân).- Ứng xử phù hợp với giới tính: Trẻ trai: Mạnh mẽ, Trẻ gái: Hiền dịu, nhẹ nhàng, thích nhõng nhẽo
86	MT86	1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	Hoạt động học: - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
87	MT87	1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	Hoạt động khác: - Một số quy định ở lớp, gia đình - Trục nhật - Kê bàn ghế, lấy bát thìa trong bữa ăn
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
88	MT88	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	Hoạt động khác: - VS cá nhân, tự thay quần áo, Xếp quần áo, giày dép, xúc ăn, tự bỏ chén, muỗng, ly sau khi ăn vào xô theo từng loại, dọn dẹp đồ chơi cất đúng chỗ.
89	MT89	2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(CS51) - Vui thích khi hoàn thành công việc.	Hoạt động khác: - Vui vẻ nhận được công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối - Nhanh chóng triển khai công việc. - Không chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc. - Hoàn thành công việc được giao - Thực hiện một số quy tắc, quy định. (Để đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định; tập trung vào nghe và làm theo hướng dẫn của giáo viên)

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh

90	MT90	3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	Hoạt động khác: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
91	MT91	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	Hoạt động học: - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
92	MT92	3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	Hoạt động khác: - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - An ủi người thân, bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ. - Chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật. - Hoan hô, cổ vũ...khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó - Quan tâm đến bạn bè: Trong lúc điễm danh nếu có một trẻ vắng mặt do bệnh tật: dạy cho trẻ động viên, đến thăm / nếu bạn đi du lịch - hãy vui mừng, vui vẻ khi bạn quay trở về
93	MT93	3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	Hoạt động học: - Kính yêu Bác Hồ. - Xem tranh ảnh về Bác Hồ, tranh ảnh về một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác (Nơi Bác sống và làm việc, nơi tưởng niệm Bác....(Làng Sen, bến Nhà Rồng, hang Pác Pó...))
94	MT94	3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Hoạt động học: - Hát múa, đọc thơ, kể chuyện về Bác Hồ
95	MT95	3.6. Biết một vài cảnh	Hoạt động học:

		đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Trò chuyện về di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước - Trẻ nhận ra được cái đẹp trong cuộc sống và thiên nhiên.
96	MT96	<i>3.7 Trẻ có một số hiểu biết về cờ Tổ quốc, Quốc ca Việt Nam và có hiểu biết về quê hương nơi trẻ sống</i>	Hoạt động học: Đất nước: Thủ đô, Cờ Tổ quốc và Quốc ca. Quê hương Quảng Ninh, TP Uông Bí: Có vịnh Hạ Long, Yên Tử, chùa Ba Vàng...
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
97	MT97	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	Hoạt động khác: - Thực hiện một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào đúng nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép... - Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lý nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ, nơi công cộng... - Nói với tốc độ và giọng điệu thích hợp
98	MT98	<i>4.7 Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.(CS73)</i>	
99	MT99	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Hoạt động khác: - Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. - Ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi, nói lời xin lỗi. - Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ hoàn cảnh nào
100	MT100	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	Hoạt động học: - Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt - Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác. - Đặt câu hỏi khi người khác đã nói xong
101	MT101	4.4. Biết chờ đến lượt.	Hoạt động học:

			- Xếp hàng rửa tay, rửa mặt. - Chờ đến lượt trong giờ thể dục, kiên nhẫn trong các hoạt động vui chơi.
102	MT102	4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	Hoạt động học: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Trao đổi ý kiến và thảo luận với các bạn; chia sẻ, hợp tác - Chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng bạn. - Trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn - Xem hay lắng nghe lẫn nhau, lần lượt hát, chia sẻ kinh nghiệm. chia sẻ với bạn ý tưởng tạo hình, nguyên vật liệu, ... - Nhận biết một số quy tắc như thu dọn đồ dùng khi vẽ, nặn xong, ... - Cùng nhau vẽ một bức tranh chung.
103	MT103	4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	Hoạt động học: - Tập kiềm chế. Kiềm chế những hành vi tiêu cực. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Đối phó với sự thất vọng và giận dữ. - Giải quyết xung đột - Đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn. - Tìm sự hỗ trợ của người lớn, hoặc cộng đồng. - Yêu mến, nhường nhịn khi chơi cùng các bạn.
5. Quan tâm đến môi trường			
104	MT104	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Hoạt động học: - Yêu quý, chăm sóc, bảo vệ cây, con vật. - Quan tâm hỏi han về cách chăm sóc con vật quen thuộc
105	MT105	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	Hoạt động học:

			- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Phân loại rác thải
106	MT106	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	Hoạt động học: - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi ""đúng"" "Sai" "Tốt" "Xấu" về môi trường - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
107	MT107	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	Hoạt động khác: - Thực hành tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn: Làm bài tập và tình huống thực tế. - Tham gia tích cực các hoạt động trong chế độ sinh hoạt 1 ngày - Dạy trẻ biết tiết kiệm thức ăn, ăn hết xuất. Biết nhặt cơm vãi bỏ vào đĩa - Tiết kiệm điện, nước.
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
108	MT108	1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Hoạt động học: - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
109	MT109	1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh hoạ phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	Hoạt động học: - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình

			cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
110	MT110	1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Quan sát các tác phẩm nghệ thuật - Thăm quan phòng triển lãm tranh ảnh, hội hoạ - Trải nghiệm các hoạt động ngoài trời
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
111	MT111	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...(CS100)	Hoạt động học: Hát đúng lời, đúng nhạc, đúng giai điệu. -Thể hiện các sắc thái phù hợp với nội dung, tính chất bài hát khi hát qua giọng hát, ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...
112	MT112	2.2. Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). (CS101)	Hoạt động học: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
113	MT113	2.3.Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.(CS102).	Hoạt động học: - Các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm: đất nặn, bột, lá cây. Vải vụn, len vụn, giấy màu, giấy dạ.... - Thể hiện nét mặt, động tác vận động phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc: Dậm, vỗ, lắc, nhún, nhảy, uốn lượn, múa, khiêu vũ hiện đại. - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
114	MT114	2.4. Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Hoạt động học: Các kĩ năng vẽ: Kĩ năng cầm bút, KN Vẽ các nét xiên, cong, uốn lượn...KN chọn và tô màu để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.
115	MT115	2.5. Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân	Hoạt động học: - Các kĩ năng cắt, xé dán: KN cầm kéo, KN cắt thẳng, cắt lượn... KN xé dải, xé vụn, xé bấm...

		đối.	
116	MT116	2.6.Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Hoạt động học: - Dạy trẻ các các kỹ năng nặn: Chia đất, xoay tròn, ấn bẹt, làm lõm, bẻ cong.... - Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố - Chia đất cân đối, vo tròn, bóp,ấn ,ngắt, lăn, lăn dài, uốn cong, miết, gấn,kéo dài , gấn.Đính thêm các chi tiết vào hình nặn.Đặt sản phẩm vững trên bề mặt.
117	MT117	2.7. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Hoạt động học: - Các kỹ năng xếp hình: lắp ghép, xếp chồng....
118	MT118	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	Hoạt động học: - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục - Phát biểu cảm nhận của bản thân khi quan sát các tác phẩm nghệ thuật - Chơi với các sản phẩm làm từ các nguyên vật liệu thiên nhiên.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
119	MT119	3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Hoạt động học: - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Tạo ra nhạc cụ từ các nguyên liệu khác nhau. Làm quen nhạc cụ dân tộc và nước ngoài. Biểu diễn những bài đã học. Tập đặt lời mới cho bài hát quen thuộc. Giao lưu âm nhạc.
120	MT120	3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	Hoạt động học: - Làm quen một số nhạc cụ quen thuộc. Luyện kỹ năng biểu diễn trên sân khấu. Tạo ra nhạc cụ từ các nguyên liệu khác nhau.

			- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
121	MT121	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Hoạt động học: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
122	MT122	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

**THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2024 - 2025**

MẪU GIÁO 5-6 TUỔI : GỒM 11 CHỦ ĐỀ

Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 05/09/2024 – 23/5/2025

TT	Tên chủ đề	Số tuần/ chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Trường Mầm non	4	Tuần 1	09/9 - 13/9/2024	Trung Thu: Thứ 6 ngày 17/9 (15/8 âm lịch)
			Tuần 2	16/9 - 20/9/2024	
			Tuần 3	23/9 - 27/9/2024	
			Tuần 4	30/9 - 04/10/2024	
2	Gia đình	3	Tuần 5	07/10 - 11/10/2024	Ngày thành lập HLHPN Việt Nam: Chủ nhật ngày 20/10
			Tuần 6	14/10 - 18/10/2024	
			Tuần 7	21/10 - 25/10/2024	
3	Bản thân	3	Tuần 8	28/10 - 01/11/2024	
			Tuần 9	04/11 - 08/11/2024	
			Tuần 10	11/11 - 15/11/2024	
4	Giao thông	4	Tuần 11	18/11 - 22/11/2024	Ngày nhà giáo Việt Nam: Thứ 4 ngày 20/11
			Tuần 12	25/11 - 29/11/2024	
			Tuần 13	02/12 - 06/12/2024	
			Tuần 14	09/12 - 13/12/2024	
5	Nghề nghiệp	4	Tuần 15	16/12 - 20/12/2024	- Ngày thành lập QĐNDVN: Chủ nhật ngày 22/12 - Kết thúc HK I: Ngày 10/01/2025
			Tuần 16	23/12 - 27/12/2024	
			Tuần 17	30/12 - 03/01/2025	
			Tuần 18	06/01 - 10/01/2025	
6	Tết và mùa xuân	3	Tuần 19	13/01 - 17/01/2025	- Ngày 13/01/2025: Bắt đầu HKII - Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử
			Tuần 20	20/01 - 24/01/2025	
			Tuần 21	10/02 - 14/02/2025	
	Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 27/01 - 08/02/2025				
7	Thế giới thực vật	4	Tuần 22	17/02 - 21/02/2025	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 (Thứ 7)
			Tuần 23	24/02 - 28/02/2025	

			Tuần 24	03/03 - 07/3/2025	
			Tuần 25	10/3 - 14/3/2025	
8	Thế giới động vật	4	Tuần 26	17/3 - 21/3/2025	Giỗ Tổ Hùng Vương 07/4/2025
			Tuần 27	24/3 - 28/3/2025	
			Tuần 28	31/3 - 04/4/2025	
			Tuần 29	07/4 - 11/4/2025	
9	Nước và một số HTTN	2	Tuần 30	14/4 - 18/4/2025	
			Tuần 31	21/4 - 25/4/2025	
10	Quê hương, Bác Hồ	2	Tuần 32	28/4 - 02/5/2025	Nghỉ Lễ 30/4, 1/5 (Thứ 3, 4)
			Tuần 33	05/5 - 09/5/2025	
11	Trường tiểu học	2	Tuần 34	12/5 - 16/5/2025	- Sinh nhật Bác (19/5) - Kết thúc học kỳ II: 23/5/2024 (Thứ 6)
			Tuần 35	19/5 - 23/5/2025	

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT
CHỦ TỊCH**

Phương Nam, ngày 30 tháng 8 năm 2024
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Thủy

Bùi Phi Nga